

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 12-4-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Việt Phương; ông Nguyễn Nam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HS ngày 29/3/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/8/1986; giới tính: Nữ; hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã B, huyện N, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 03, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2018 đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T, sinh ngày 02/02/1993; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hoá): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn V1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 15/7/1992; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã X, thành phố B, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hoá): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị R, sinh năm 1955; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2018 đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lương Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản K, xã P, huyện U, tỉnh Lai Châu.

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Vi Thị T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện P, tỉnh Nghệ An.

4. Chị Lữ Thị N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện P, tỉnh Nghệ An.

5. Chị Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thái Bình.

6. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

7. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

8. Anh Trần Viết H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu A, thị trấn N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

9. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình.

10. Anh Lại Thanh T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 01, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

11. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình.

(Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/9/2018, tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình phối hợp với công an phường T, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn C tại địa chỉ số 373, đường T, tổ 29, phường Đ, thành phố B (do bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1975, trú tại số nhà 20, tổ 28, phường Đ, thành phố B làm chủ) phát hiện tại phòng 202 có chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Q, tại phòng 405 có chị Lường Thị H và anh Phạm Văn L, tại phòng 506 có chị Vi Thị T và anh Trần Viết H, tại phòng 508 có chị Lữ Thị N và anh Lại Thanh T đang có quan hệ mua bán dâm. Tổ công tác đã thu tại phòng 506 một bao cao su đã qua sử dụng; tại phòng 508 thu của chị Lữ Thị N (tức U) 500.000 đồng (chị N khai là tiền mua dâm của anh Lại Thanh T trả trước cho chị); tại phòng 405 thu 01 bao cao su đã qua sử dụng. Sau đó tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, quản lý vật chứng và đưa những người trên về cơ quan điều tra làm việc.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/9/2018, tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình đã kiểm tra phòng 310 nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình tại phường X, thành phố B phát hiện chị Phạm Thị Kiều L và anh Đỗ Văn H đang quan hệ mua bán dâm. Tổ công tác đã quản lý của chị Phạm Thị Kiều L 05 bao cao su chưa sử dụng. Sau đó tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, quản lý vật chứng và đưa những người trên về cơ quan điều tra làm việc.

Trên cơ sở tài liệu thu thập, người môi giới mua bán dâm là các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn T và Phạm Văn T. Ngày 19/9/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo Nguyễn Thị H tại tổ 03, phường P, thành phố B, chỗ ở của bị cáo Phạm Văn T tại thôn L, xã X, thành phố B và chỗ ở của bị cáo Trần Văn T tại xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình, qua khám xét không quản lý, thu giữ gì.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng tháng 8/2018, bị cáo Nguyễn Thị H lập và sử dụng điện thoại Oppo có sim số 01688.797.286 mở tài khoản trên ứng dụng Zalo là “Kim Anh”, sử dụng điện thoại Oppo có sim số 0938.703.053 mở tài khoản trên ứng dụng Zalo là “Gai Nha Lanh” và điện thoại Nokia có sim số 01677.630.576 để bị cáo giao dịch môi giới mại dâm. Qua mối quan hệ ngoài xã hội, bị cáo Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với chị Lường Thị H và chị Bùi Thị T khi có khách mua dâm bị cáo H sẽ gọi cho chị H và chị T bán dâm, nếu người bán dâm thu của khách 500.000 đồng/lần mua dâm thì người bán dâm được hưởng 300.000 đồng còn bị cáo H được hưởng 200.000 đồng. Nếu khách mua dâm qua đêm thì người bán dâm sẽ thu của khách 1.000.000 đồng, người bán dâm được hưởng 700.000 đồng, bị cáo H được hưởng 300.000 đồng. Tương tự như với bị cáo H, khoảng từ tháng 8 và tháng 9/2018, bị cáo Phạm Văn T biết chị Phạm Thị Kiều L có nhu cầu bán dâm

nên thỏa thuận với chị L sẽ đi bán dâm dưới môi giới của bị cáo T và bị cáo Trần Văn T thỏa thuận với chị Lữ Thị N và chị Vi Thị T sẽ đi bán dâm dưới môi giới của bị cáo T. Sau đó, bị cáo Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với bị cáo Trần Văn T và bị cáo Phạm Văn T, nếu bị cáo H tìm được khách có nhu cầu mua dâm sẽ liên lạc với bị cáo T và bị cáo Trần Văn T để gọi người đi bán dâm; người bán dâm sẽ thu của khách 500.000 đồng/lần mua dâm, bị cáo H được hưởng 200.000 đồng, bị cáo T hoặc bị cáo Phạm Văn T và người bán dâm do mình môi giới sẽ chia nhau số tiền 300.000 đồng còn lại. Nếu khách mua dâm qua đêm thì người bán dâm sẽ thu của khách 1.000.000 đồng, bị cáo H được hưởng 300.000 đồng, bị cáo T hoặc bị cáo Phạm Văn T và người bán dâm do mình quản lý sẽ chia nhau số tiền 700.000 đồng còn lại.

Qua 02 nick Zalo của bị cáo H, anh Phạm Văn L và anh Đỗ Văn H biết số điện thoại 01688.797.286 và 0988.703.053 của bị cáo H để liên hệ khi cần mua dâm. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 15/9/2018, anh L cùng các bạn là anh Nguyễn Văn Q, anh Trần Viết H, anh Phạm Văn H, anh Lại Thanh T, anh Đào Anh Đ cùng ăn uống với nhau xong thì cùng rủ nhau đi mua dâm. Anh L mời tất cả đến khách sạn C để mua dâm do anh L bố trí người bán dâm và trả tiền mua dâm. Anh L gọi điện cho bị cáo H để bị cáo H bố trí 06 người bán dâm cho nhóm của anh L ở khách sạn C, với giá 500.000 đồng/lượt. Nhóm của anh L đến khách sạn C thuê 06 phòng gồm: Anh Q ở phòng 202, anh L ở phòng 405, anh H ở phòng 506, anh T ở phòng 508, anh H ở phòng 509 và anh Đ ở phòng 511. Anh L gọi điện thoại báo số phòng cho bị cáo H và bảo người bán dâm qua phòng 405 để anh L thanh toán tiền nhưng sau đó hai người thỏa thuận ai mua dâm xong thì trực tiếp trả tiền. Anh L đã đưa cho anh Q, anh H, anh H, anh T, anh Đ mỗi người 500.000 đồng. Cùng thời điểm này, anh Đỗ Văn H ở phòng 310 Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình cũng gọi điện thoại cho bị cáo H để bị cáo H đưa 01 người đến bán dâm, với giá là 500.000 đồng/ lượt. Bị cáo H đã gọi điện thoại cho chị T, chị H yêu cầu đến khách sạn C bán dâm cho khách. Sau đó bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo T bảo cho người đến khách sạn C bán dâm, bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo Phạm Văn T bảo cho người đến phòng 310 Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình bán dâm cho anh H. Bị cáo Trần Văn T đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu xanh bạc đen, biển số 17B9 – 192.54 chở chị T và chị N đến khách sạn C và nói số phòng đến bán dâm; Bị cáo Phạm Văn T đã gọi điện cho chị Phạm Thị Kiều L và chị L đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu đen trắng bạc, biển số 17B9 – 075.41 của bị cáo Phạm Văn T để đến phòng 310 Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình bán dâm cho anh Đỗ Văn H.

Khi chị T đã bán dâm cho anh Phạm Văn H tại phòng 509 và đang chuẩn bị bán dâm cho anh Q tại phòng 202 khách sạn C; chị Ho đã bán dâm cho anh Q tại phòng 506 và đang bán dâm cho anh L tại phòng 405 khách sạn C thì bị lực lượng

Công an tỉnh Thái Bình kiểm tra, phát hiện; chị N đang bán dâm cho anh T= ở phòng 508, chị T đang bán dâm cho anh H phòng 506 khách sạn C thì bị lực lượng Công an tỉnh Thái Bình kiểm tra, phát hiện. Còn chị L vừa bán dâm cho anh Đỗ Văn H tại phòng 310 Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình thì bị lực lượng Công an tỉnh Thái Bình kiểm tra, phát hiện.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn T, Phạm Văn T đã thừa nhận môi giới bán dâm cho chị Vi Thị T, chị Lương Thị H, chị Lữ Thị N, chị Bùi Thị T và chị Phạm Thị Kiều L.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao nộp 03 điện thoại di động (01 điện thoại Nokia màu xanh, 02 điện thoại SamSung Galaxy J7 màu vàng trắng); bị cáo Trần Văn T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu trắng; bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu da cam; chị Lương Thị H đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám đen và 500.000 đồng tiền đã bán dâm cho anh Trần Viết H; chị Bùi Thị T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng và 500.000 đồng tiền đã bán dâm cho anh Phạm Văn H; chị Vi Thị T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; chị Lữ Thị N đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen; chị Phạm Thị Kiều L đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen và 05 bao cao su chưa sử dụng.

Vật chứng, tài liệu đã quản lý: 01 điện thoại Nokia màu xanh, 02 điện thoại SamSung Galaxy J7 màu vàng trắng (của bị cáo Nguyễn Thị H); 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu trắng (của bị cáo Phạm Văn T); 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu da cam (của bị cáo Phạm Văn T); 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám đen (của chị Lương Thị H); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng (của chị Bùi Thị T); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng (của chị Vi Thị T); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen (của chị Lữ Thị N); 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen (của chị Phạm Thị Kiều L); 07 bao cao su và số tiền 1.500.000 đồng.

Cáo trạng số 40/CT-VKSTPTB ngày 01/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ khoản 2 điều 328 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trần Văn T về tội: "Môi giới mại dâm" theo điểm đ khoản 2 điều 328 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phạm Văn T về tội: "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 điều 328 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 4 điều 328; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 điều 328; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2018, phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 4 điều 328; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; khoản 3 điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng.

4.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia màu xanh, 02 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu trắng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu da cam thu giữ của bị cáo Phạm Văn T.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 07 bao cao su đã thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4.4. Trả lại: Chị Lương Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám đen; chị Bùi Thị T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng; chị Vi Thị T 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; chị Lữ Thị N 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen; chị Phạm Thị Kiều L 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, bị cáo Trường xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; Của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ kết tội lẫn nhau, ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản sự việc lập hồi 13 giờ 45 phút ngày 15/9/2018 tại khách sạn C, số 373, đường T, tổ 29, phường Đ, thành phố B và biên bản sự việc lập hồi 14 giờ 20 phút ngày 15/9/2018 tại Nhà khách Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình, phường X, thành phố B (bút lục số 134 đến 138); biên bản quản lý đồ vật, tài liệu và biên bản sao chụp dữ liệu điện thoại di động (bút lục số 331 đến 340, 346 đến 385); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị H, chị Bùi Thị T, chị Vi Thị T, chị Lữ Thị N, chị Phạm Thị Kiều L, anh Phạm Văn L, anh Nguyễn Văn Q, anh Trần Viết H, anh Phạm Văn H, anh Lại Thanh T, anh Đào Anh Đ và anh Đỗ Văn H (bút lục số 217 đến 306). Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 12 giờ 30 phút ngày 15/9/2018, các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn T đã có hành vi môi giới cho các chị Lương Thị H, Bùi Thị T, Vi Thị T, Lữ Thị N bán dâm cho các anh Nguyễn Văn Q, Trần Viết H, Phạm

Văn H, Lại Thanh T tại khách sạn C để bị cáo H thu lời bất chính 1.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn T thu lời bất chính 300.000 đồng thì bị phát hiện. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/9/2018, bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi môi giới cho chị Phạm Thị Kiều L bán dâm cho anh Đỗ Văn H tại Nhà khách Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình để bị cáo H thu lời bất chính 200.000 đồng, bị cáo Phạm Văn T thu lời bất chính 150.000 đồng thì bị phát hiện. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 điều 328 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 điều 328 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 328 Bộ luật Hình sự, tội “Môi giới mại dâm” quy định: *“1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm...d) Phạm tội 02 lần trở lên; đ) Đối với 02 người trở lên;...4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng”*.

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Hành vi môi giới mại dâm tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm, gây dư luận rất xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Tội phạm “Môi giới mại dâm” mà các bị cáo thực hiện trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo thỏa thuận với nhau và thỏa thuận với những người bán dâm về việc mua bán dâm và hưởng lợi bất chính. Bị cáo H cùng bị cáo Trần Văn T môi giới cho 4 người bán dâm tại khách sạn C, bị cáo H còn cùng bị cáo Phạm Văn T môi giới cho 01 người bán dâm tại Nhà khách Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm d, đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự, vì vậy, bị cáo H giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Văn T cùng bị cáo H môi giới cho 4 người bán dâm tại khách sạn C thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự, vì vậy, bị cáo Trần Văn T giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo Phạm Văn T cùng bị cáo H môi giới cho 01 người bán dâm tại Nhà khách Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình quy định tại khoản 1 điều 328 Bộ luật hình sự, vì vậy, bị cáo

giữ vai trò cuối cùng trong vụ án. Bị cáo H có 02 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, bị cáo Phạm Văn T có 01 tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Trần Văn T và hai bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Phạm Văn T.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H và tình thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nêu trên, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Trần Văn T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Bị cáo Phạm Văn T có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình. Khoản 4 điều 328 Bộ luật Hình sự còn quy định về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo để phạt tiền các bị cáo từ 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh, 02 điện thoại SamSung Galaxy J7 màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu trắng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu da cam thu giữ của bị cáo Phạm Văn T; xét thấy đây là những phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với 07 bao cao su đã thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7.4] Trả lại: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám đen thu giữ của chị Lương Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ của chị Bùi Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng thu giữ của chị Vi Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen thu giữ của chị Lữ Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen thu giữ của chị Phạm Thị Kiều L là tài sản hợp pháp của những người này nên cần trả lại cho họ.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với các chị Lương Thị H, Bùi Thị T, Vi Thị T, Lữ Thị N và Phạm Thị Kiều L, Cơ quan điều tra đã quyết định xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[8.2] Đối với các anh Phạm Văn L, Nguyễn Văn Q, Trần Viết H, Phạm Văn H, Lại Thanh T, Đào Anh Đ và Đỗ Văn H, Cơ quan điều tra đã quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền là phù hợp.

[8.3] Chủ cơ sở kinh doanh khác sạn C và Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình đã làm đúng thủ tục cho thuê phòng ngày 15/9/2018 nên cơ quan điều tra không có hình thức xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2, khoản 4 điều 328 (đối với bị cáo Nguyễn Thị H); điểm đ khoản 2, khoản 4 điều 328 (đối với bị cáo Trần Văn T); điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, khoản 4 điều 328; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 65; khoản 3 điều 35; điều 58 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Phạm Văn T); điều 46; điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn T và Phạm Văn T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H **10.000.000đ** (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn T **03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2018. Phạt tiền bị cáo Trần Văn T **10.000.000đ** (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03** (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T **7.000.000đ** (bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng mua bán dâm.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia màu xanh, 02 điện thoại SamSung Galaxy J7 màu vàng trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu trắng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310 màu da cam thu giữ của bị cáo Phạm Văn T.

3.3. Tịch thu tiêu hủy 07 bao cao su đã thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.4. Trả lại: Chị Lương Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản K, xã P, huyện U, tỉnh Lai Châu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xám đen; chị Bùi Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; chị Vi Thị T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện P, tỉnh Nghệ An 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; chị Lữ Thị N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện P, tỉnh Nghệ An 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; chị Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển sang chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 01/3/2019).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn T và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/4/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHSCATP.Thái Bình;
- Chi cục THADSTP.Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái